

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7

(Phần Thượng)

Phẩm Thứ 5: DƯỢC THẢO DỤ

Phẩm này nêu đầy đủ mây, mưa, núi, sông, mà chỉ riêng dùng Dược Thảo (cỏ thuốc) làm tên phẩm là sao? Đất đai là năng sinh, mây mưa có khả năng thấm nhuần, cỏ cây được đất đai sinh ra (sở sinh), được thấm nhuần mây mưa (sở nhuận). Sở sinh và sở nhuận, nói chung đều hữu dụng, mà vì dụng của Dược thảo mạnh. Các thiện hữu lậu đều năng trừ ác, nhưng vô lậu là trên hết. Bốn Đại đệ tử, trong chúng Vô lậu, đã đem Thí dụ diễn bày sự lãnh hội của mình đối với thí dụ của Phật, hiểu sâu Thánh ý.

Đức Phật khen: “Lành thay! Rất là hiếm có!” Phẩm này thuật lại điều chứng đắc hiểu biết của các vị đó. Để thí dụ các hạng người đó cho nên lấy tên phẩm là Dược Thảo Dụ. Luận rằng: “Dược thảo” ở trong rừng rậm lâu ngày, một khi nhờ mây mưa, bên trong thấm nhuần tươi mát, bên ngoài nảy lộc đâm chồi, Ví như bậc vô lậu trú nơi thân cuối cùng Hữu dư Niết-bàn. Lại không nguyện cầu vô thượng Phật đạo, nay được nghe kinh này, được tự cưỡi xe Phật thừa chuyên chở con người. Văn nói: “Chúng con ngày hôm nay, mới thật là Thanh văn, đem âm thanh Phật đạo, cho tất cả đều nghe”, trong ngoài tự tha đầy đủ lực dụng thù thắng, nên gọi là phẩm Dược Thảo Dụ.

Luận rằng “Dược thảo” năng trừ gió lạnh vào trong Tứ đại, bổ dưỡng ngũ tạng, khiến hình sắc được trẻ, khỏe lại. Nay nhờ mây mưa bỗng thành Dược vương, như thuốc quý, trị khắp các bệnh, biến thể thành tiên, ví như bậc vô lậu nghe kinh, phá Vô minh hoặc, khai tri kiến Phật. Văn nói: “Chúng con ngày hôm nay, chân thật là Phật tử. Vô thượng các bảo vật, không cầu mà tự được”. Cái mà Phật tử nên được thì đều đã được; đối trước Phật được thọ ký. Nay đối diện trước Phật riêng được thọ ký vui mừng hơn hẳn được xứng chỗ vi diệu, cho nên nói

phẩm Dược Thảo Dụ. Trước một phen là thầy trò lãnh thuật là ý Thế Giới Tất-đàn, tiếp một phen sinh thiện là Vị nhơn Tất-đàn, tiếp một phen nữa là ý Đối trị và Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, đó gọi là nhân duyên giải thích phẩm. Ngoài ra căn cứ giáo, bản tích, Quán tâm mà giải thích, thì theo lệ có thể biết, không phải ghi lại.

Phẩm này là đoạn thuật thành thứ ba trong phần Thí thuyết. Xưa nói: “thuật lại mười ba hàng kệ cuối trong phẩm Thí dụ tán thán ân sâu của Phật, lại thuật dụ Trưởng giả dạy người làm, như văn nói rõ ràng khéo léo”. Sư cho rằng: Không nên thiên chấp như vậy. Kinh gọi là “khéo nói công đức chân thật của Như Lai”, thuật lại đầy đủ về lãnh Quyền lãnh Thật, văn nêu rõ điều này. Mười ba hàng kệ chỉ là hàng nhĩ thừa tề giáo chịu ân. Thí dụ dạy người làm, là Quyền công đức của Phật. Nay nói đều thuật sự lãnh giải cùng khắp, bắt đầu là thiên tánh kết duyên, đoạn giữa là truy tìm đuổi theo dẫn dụ, cuối cùng là giao phó tài sản. Thật là vi diệu, thật là xuất sắc, vô lượng vô biên các ân đức. Văn kia chia làm hai phần.

I. Lược thuật thành.

II. Rộng thuật thành.

Lược thuật lại có hai:

- 1) Thuật lại hai lần “Thiện tai”.
- 2) Sự lãnh hội không kịp.

- Thuật lại hai lần: lần một “Thiện tai” thuật hai chỗ lãnh hội pháp Thật. Lần kế tiếp “Thiện tai” thuật hai chỗ lãnh hội pháp Quyền.

“Khéo nói được công đức chân thật của Như Lai”: “chân thật” là thuật lại pháp Thật, “công đức” là thuật lại pháp Quyền. Lại, thời Hoa Nghiêm thì dự định thích nghi lãnh hội pháp Thật, thời Tam tạng thì dụ dẫn lãnh Quyền, thời Phương Đẳng thì “thể tín”, thời Bát-nhã thì lãnh giáo, đều lãnh Quyền Thật. Thời Pháp Hoa thì giao phó tài bảo, chuyên luận về Thật. Ngôn từ rất rõ ràng khéo léo, cho nên gọi là “khéo nói”, đều là Phật pháp cho nên nói “chân thật”. “Đúng như lời các ông nói”: tức là ý chỉ ấn định. Lại, từ “Đức Như Lai lại còn có” trở xuống, là thuật ý lãnh hội không kịp. Vì sao không kịp? Nghĩa là tiến thoái ngang dọc, cũng ngang cũng dọc, chẳng ngang chẳng dọc, đều không kịp. Vì sao? Vì mây dầy bủa giăng che khắp khiến cho mát mẻ, mưa lớn đều thấm nhuần, không nơi nào là không thấm nhuần, đều khiến cho thế gian đều được thấy biết pháp chưa từng có, sao bỗng tề giáo chỉ có lãnh hội ý Nhĩ thừa được lợi ích, không nói đến nhân thiên, ví như cỏ nhỏ được lợi ích? Đó gọi là điều không hiểu kịp về thoái. Bồ-tát như là cỏ bậc thượng,

cũng gọi là “cây nhỏ cây lớn”, đều sum suê tươi tốt, mình và người đều được lợi ích, mà lại không lãnh hội, đó gọi là điều không hiểu kịp về tiến. Lại, mười pháp giới đồng thành Phật pháp giới, sao bỗng chỉ có lãnh hội Nhị thừa, tám pháp giới còn lại đều không nói đến, đó gọi là không hiểu kịp theo chiều ngang của Phật pháp. Lại, bảy phương tiện từ cạn đến sâu, đều nhập chân thật, năm phương tiện còn lại đều không nói đến, đó gọi là không hiểu kịp theo chiều dọc. Lại, lợi ích cả ba đời chưa từng tạm bỏ, đó gọi là không hiểu kịp cũng ngang cũng dọc. Phàm nói “núi, sông, khe, hang”... gọi chung là “một đất”. “Một đất” có thể sinh trưởng cỏ cây, chưa từng có chọn lựa từ chồi kia nhận đây. Chủng tử cây cỏ đều nương nơi đất, hoàn toàn không nương nơi khác. Một đám mây đen giăng mù mịt, không chỗ nào là không tối tăm. Một trận mưa một vị, không phân biệt khô tươi đều thấm nhuần, đã đồng thì đều được tăng trưởng. Đức Như Lai bình đẳng bất khả tư nghì, thật không có “trước đốn sau tiệm, đầu ba cuối một”. Như rồng dấy mây lành mưa thấm khắp tất cả thân tâm mà không cố ý làm mưa để trừ nóng bức được mát mẻ. Đó gọi là năm thừa bảy phương tiện. Mười phương ba đời bình đẳng, rộng lớn, sâu thẳm xa vời, không thể nghĩ bàn, không có sai biệt đó gọi là không hiểu kịp chẳng ngang chẳng dọc. Ý chỉ không kịp không phải đều thuộc về đốn, đặc biệt dùng sơ tâm hướng về hậu tâm, vì địa chưa cùng tốt cho nên gọi là “bất tận”. Lại, ban đầu ngộ chữ A đầu tiên cũng đầy đủ công đức như chữ Trà sau cuối (Tứ thập nhị Tự môn), chỉ lãnh hội tề giáo thì chưa rảnh rang tiến đến lãnh hội ngang dọc cùng khắp. Lại, về Quyền hạnh thì đại sĩ thích ứng như đây.

Rộng thuật thành tựu có hai: Trường hàng và kệ tụng.

Trường hàng lại có hai:

- 1) Thuật thành khai tam hiển nhất.
- 2) Từ “Ca-diếp! Các ông” trở xuống, là kết thán.

- Khai tam hiển nhất có Pháp, Thí hợp. Trong Pháp hợp lại có hai:

- 1) Trước nêu “Pháp vương”: không hư dối để khuyến tin.
- 2) Từ “Phật đối với tất cả pháp” trở xuống, chính thuật khai tam hiển nhất. Xét rằng Nhân vương thì bên ngoài không sợ hãi, trong không nói hai lời. Pháp vương cũng vậy, các điều ác đã tận, phát ra lời nói thành thật. Xưa nói: Thuật cho hàng trung căn không hư dối, khuyến khích hàng hạ căn tín thọ. Nay nói Phật pháp tuy nhiều nhưng không ra ngoài quyền thật. Ngoài quyền thật hoàn toàn không có pháp khác, mà nói “vô lượng” thì ý này khó tin. Cho nên, nêu “Pháp vương” để khuyến

tin. Lại, vì thí dụ “mây lớn” bên dưới làm bản. Từ “Phật đối với tất cả pháp” trở xuống, là căn cứ giáo nêu khai quyền hiển thật. Từ “Đức Như Lai xem biết” trở xuống, là căn cứ trí nêu khai quyền hiển thật. Do hai giáo hiển hai trí, do hai trí thuyết hai giáo; trí giáo thành tựu lẫn nhau. “Nhất thiết pháp”: nghĩa là bảy phương tiện theo chiều ngang, đối nhất thật theo chiều dọc. Nếu nói không phải như vậy, thì cơ sao ở nơi hai vạn ức Phật ban đầu phát đại tâm, thời gian giữa lại theo Tiểu thừa? Lại, lưu chuyển trong năm đường, lại mười pháp giới một người còn đủ, huống chỉ bảy phương tiện! Pháp này dù nhiều, nhưng phương tiện Ba-la-mật chiếu hết sạch không gì không tận. Dùng loại tiếng giống như của chúng mà thuyết pháp, cho nên không nơi nào là không phù hợp. Vì hàng Nhân thiên mà nói giới thiện, vì hàng Nhị thừa mà nói Tứ đế Thập nhị nhân duyên, vì hàng Tam tạng mà nói “sự độ”, vì hàng Thông giáo mà nói Vô sinh, vì hàng Biệt giáo mà nói thứ lớp khai Như Lai tạng. Đó gọi là thuật lại sự lãnh hội ý Phật khai Tam thừa.

Từ “Pháp của Phật nói” trở xuống, căn cứ giáo mà thuật lại sự hiển thật. “Địa” là thật tướng, cứu cánh chẳng phải hai cho nên nói “nhất”, tánh kia rộng lớn cho nên nói “thiết”(hết thảy). Tịch mà thường chiếu, cho nên nói “trí”. Từ bản vô trụ mà lập tất cả pháp, cho nên gọi “địa”, đây là Thật tướng theo Viên giáo. Phạm pháp Phật thuyết đều khiến chúng sinh đạt đến “trí địa” này. Văn hiển thật, rõ như ban ngày, vì sao mê tối mà hiểu sai khác? Ví như trong Đại Phẩm rộng nêu các pháp đều là Ma-ha-diễn. Diễn tức Đại thừa, Thừa tức Thật tướng, Thật tướng tức “Nhất thiết trí”. Văn trên nói: “Chỉ một sự này là thật” là chỉ “địa” này, “có cái thứ hai nào khác thì không phải chân” là chỉ cho bảy phương tiện. Đây là căn cứ hai giáo tiệm đốn mà thuật ý khai quyền hiển thật.

Từ “Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp” trở xuống, là căn cứ trí mà thuật ý Phật khai Quyền hiển Thật, xem biết chỗ trở về của tất cả pháp là năng chiếu Quyền, “rốt ráo rõ biết” là năng chiếu Thật. Hai trí chiếu hai cảnh Thiên Viên thông đạt vô ngại, cho nên năng thuyết hai giáo Quyền Thật. Đây là nêu trí để giải thích giáo. “Biết chỗ quy thú” là biết “dược” (thuốc), biết tâm sở hành là biết bệnh. Bệnh và thuốc đều là pháp quyền, pháp quyền đều có chỗ hướng về. Các thứ giới, thiện v.v... là gần hướng hàng nhân thiên. Nếu tạo tác duyên như cúi đầu chấp tay là xa hướng Phật quả, thì Niệm xứ, đạo phẩm... là gần hướng đến Niết-bàn. Nếu tạo phước đức trang nghiêm thì việc các ông làm là đạo Bồ-tát, tức xa hướng đến Bảo sở, cho đến các pháp

lục độ Thông Biệt v.v... Đường lối hướng về gần xa không đồng có thể hiểu. Lại, giới thiện là thuốc của hàng trời người. Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, là thuốc của hàng Tam thừa, cho đến Thông Biệt... cũng có thể biết.

“Thâm tâm sở hành” có hai thứ:

1. Thâm tâm chấp đắm nơi y báo chánh báo.

2. Thâm tâm đắm nơi pháp sở chấp.

Chấp đắm y báo chánh báo: là khởi mười ác sâu nặng làm chướng ngại nhân thiên thừa. Đắm pháp sở chấp: là khởi bốn điên đảo, ba đường, sáu tệ, bốn trụ, năm trụ... làm chướng ngại các Thánh thừa. Nên biết thâm tâm tương bệnh không đồng, Quyền trí chiếu soi thông đạt vô ngại. Lại, “đối với các pháp rốt ráo rõ biết (cứu tận minh liễu)”: thật trí sở chiếu. Tất cả Quyền pháp thấy đều nhập Thật cho nên nói “rốt ráo”(cứu cánh). Thật trí sở tri, cho nên nói “liễu”, Phật nhãn sở kiến, cho nên nói “minh”. Nếu trí đây chiếu thuốc này bệnh này, mà không chiếu thuốc kia bệnh kia, trí kia chiếu kia mà không thể chiếu đây, thì chủng loại sai khác không đồng là Quyền trí chiếu. Nhất trí chiếu khắp tất cả bệnh, tất cả dược, là Thật trí chiếu. Năng chỉ bày cho chúng sinh viên cảnh trí như vậy, cho nên nói “nhất thiết trí tuệ”. Lại, “nhất thiết pháp” nghĩa là mười pháp giới. Mười pháp mỗi mỗi tướng dục không đồng, mỗi mỗi thân hoạch quả báo, quy thú cũng khác. Biết cùng tận các pháp, gọi là biết bệnh; biết tất cả thâm tâm sở trước, gọi là biết thuốc và thuốc có sâu cạn. Kinh Đại Phẩm nói: “Trí như thật biết tâm tham dục tâm sân si, dùng trí như thật để biết thì gọi là “biết thâm tâm”, như lý thông đạt không có chướng ngại. Nếu giới, thiện, Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ... tất cả pháp dược đều dùng trí như thật để biết, thì gọi là “thông đạt vô ngại”. Lại, trong văn nói về Quyền trí, thì “thông đạt vô ngại” là căn cứ Quyền mà luận về Thật. Trong văn nói về Thật trí thì nói “lại đối với các pháp”, “các pháp” là căn cứ Thật mà luận về Quyền. Hai văn xen lẫn hiển bày, đây nêu Thật là thật của quyền, Quyền là quyền của thật. Nên biết cứu cánh phi quyền phi thật, chẳng sai biệt chẳng không sai biệt. Vì trí phương tiện quyền thì có sai biệt, cái biết mà đạt đến trí địa thì không còn sai biệt, như đất (địa) không sai biệt, bao nhiêu cỏ cây, bao nhiêu không bao nhiêu, không bao nhiêu bao nhiêu. Lại, như căn cứ tâm mà luận về pháp, căn cứ pháp mà luận về tâm. Tâm có các số, pháp không có các số. Tâm không lìa pháp, pháp không lìa tâm. Vô số mà số, số mà vô số. Quyền Thật cũng vậy v.v...

Phần thứ hai Thí thuyết: Từ “Ví như” trở xuống, văn chia làm hai:

1. Nói Thí dụ. 2. Lại nói tôn chỉ, Khen ngợi.

Nói thí dụ có hai: 1. Khai. 2. Hợp.

Khai chia làm hai: 1. Thí dụ sai biệt, thí dụ trên thuật lại quyền giáo, quyền trí. 2. Thí dụ không sai biệt, thí dụ trên thuật lại Thật giáo Thật trí: Đưa ra ba loại cỏ, hai loại cây nhỏ lớn không đồng, cho nên nói sai biệt. Một đất, một mưa mà tải khắp nhuận khắp, cho nên nói không sai biệt. Nếu xem ngọn nhánh kia, thì là mỗi mỗi không đồng. Nếu xét gốc kia tươi tốt, thì đều nhờ đất và mưa. Nội hợp: trí phương tiện chiếu thì có bảy, có năm khác nhau. Thật trí chiếu qua, thì cuối cùng đều trở về nhất thật. Nhất thật là bảy là năm. Bảy, năm, là nhất thật. Sai biệt mà không sai biệt, không sai biệt mà sai biệt...

- Thí dụ sai biệt có sáu:

1. Đất đai.
2. Cây cối.
3. Mây dầy.
4. Mưa xối.
5. Thọ nhuận.
6. Tăng trưởng.

Thí dụ thứ nhất: “Đất đai”. Xưa cho rằng: Nói chung thì ba ngàn thế giới là đất đai, riêng đưa ra bốn loại: Núi, sông, ngòi, khe làm tập nhân cho ngũ thừa. “Khe (cốc)”: nhận nhiều nước, dụ cho Bồ-tát. “Ngòi (khê)”: dụ cho Bích-chi-phật. “Sông”: dụ cho Thanh văn. “Núi”: cao, thọ nhuận ít, dụ cho Nhân Thiên thừa. Nay cho rằng: tập nhân nên ví như chủng tử, thọ nhuận, tăng trưởng. Đất đai, núi, sông tuy có nghĩa thọ nhuận nhưng thiếu hai nghĩa: chủng tử và tăng trưởng. Lại, văn dưới hợp thí có nói: “Khắp cả thế giới Trời, Người, Tu la”, tụng kệ nói: “Ở trong tất cả chúng Trời Người”, đều không thể dùng đất đai... dụ cho tập nhân. Nay không dùng nghĩa đó, mà dùng “đại thiên thế giới” ví như Chúng sinh thế gian, “núi, sông, ngòi, khe, đất đai” ví như Ngũ ấm thế gian. Thế giới không có pháp riêng, vì do núi, sông, ngòi, khe, đất đai tạo thành. Chúng sinh không có pháp riêng, vì do ngũ ấm tạo thành. Đất đai vì chung, cho nên ví như thức ẩm. Núi, sông, ngòi, khe thì ví như bốn ấm kia. Cỏ cây năng y vào đất, tuy nương tựa vào đất đai v.v... mà đất đai v.v... không phải tức là cỏ cây, vì tính chất cỏ cây chỉ gọi là cỏ cây. Hạt giống cỏ cây hoàn toàn không có tên riêng, chỉ vì công năng sinh nên gọi hạt giống, vì tính chất sở sinh nên gọi là cỏ cây, đều là thực vật bám rễ ở đất, nên đất là căn bản.

Nội hợp: tập nhân tập quả, tuy nương ngũ ấm, mà ngũ ấm chẳng

phải tức nhân quả. Cần phải nương nơi ấm để có tập nhân, tăng trưởng thành tựu gọi là tập quả. Quả nhân nương nơi ấm mà sinh khởi, thì núi sông đất đai dụ ấm thành, cỏ cây chủng tử thọ nhuận tăng trưởng dụ ấm đều thành. Lại, Biệt thí: Núi tuy có cao chót vót cũng có năm tướng: đào, tụt xuống dần..., cho đến đất tuy bằng phẳng cũng có năm tướng: gò đất, ao... tức dụ cho ngũ ấm theo Ngũ thừa. “Núi” ở trên cao, dụ cho ngũ ấm của Bồ-tát, “sông” dụ cho Bích-chi-phật, “ngòi” dụ Thanh văn, “đất đai” dụ Trời, “khe” ở dưới thấp, dụ cho Người. Mỗi một ngũ ấm đều có tập nhân tập quả làm chỗ nương, cũng như “núi, sông, ngòi, khe, đất đai” đều làm chỗ nương của hạt giống, tính năng sinh... Lại dùng Tam thiên đại thiên thế giới dụ cho lý chánh nhân, chung làm chỗ nương cho tất cả. “Núi, sông, ngòi, khe, đất đai” dụ cho ấm, giới, nhập quả báo, sắc, tâm của chúng sinh. “Cỏ cây lùm rừng” dụ cho tập nhân của chúng sinh. Ba pháp này không lia nhau, tu tập dựa vào ấm nhập, ấm nhập không ra ngoài pháp tánh, như cỏ cây nương núi sông, núi sông nương thế giới. Sáu thứ văn rõ ràng, vì sao tác nghĩa? Lại, thứ lớp như đây, tại sao phân chia lẫn lộn kinh văn, sao chép trước sau?

Từ “Sinh ra cây cỏ” trở xuống, là Thí dụ thứ hai: Cỏ cây. “Cỏ” là tên chung các cỏ, “cây” là tên chung của các cây. Nhiều cỏ thành lùm bụi; nhiều cây thành rừng. Lực dụng trị bệnh tốt, gọi là “thuốc” (dược). Như trong thiện pháp đều năng trị ác, mà vô lậu thiện trị Hoặc nghĩa tốt hơn, gọi là “thuốc”. Cỏ dưới thấp, cây cao vừa, rừng cây cành gốc che phủ bóng râm rộng lớn, có công dụng lớn, cho nên ví như hai loại Bồ-tát. “Chủng loại rất nhiều”: nhân quả chủng tử của Ngũ thừa Thất thiện nên nói “rất nhiều”. Bao nhiêu chủng loại đều có bấy nhiêu tên gọi, tức là “danh”, đều có thể tướng, tức là “sắc”.

- Từ “Mây đầy bữa giảng” trở xuống, là thí dụ thứ ba: Mây đầy đặc. Mây có hình sắc che mát. Văn dưới có nói thêm: “Tiếng sấm xa vang động”. “Che mát” dụ cho tâm từ bi của Phật, “hình sắc” dụ cho đức Phật ứng thế, “tiếng sấm” dụ cho ngôn giáo của Phật. “Mây đầy”(mật vân), tức tam mật, từ bi tức ý mật, hình sắc tức thân mật, tiếng sấm tức khẩu mật. “Bữa giảng” là giảng khắp. Đã đầy lại khắp cho nên nói “bữa giảng”. Vì từ bi, huân Ứng thân thuyết pháp khắp mười pháp giới cho nên nói “bữa giảng”. Kinh Luật Dị Tướng nói: Mây có năm màu sắc. Xanh: gió nhiều, Đỏ: lửa nhiều, Vàng, Trắng: đất nhiều, Đen: nước nhiều. Có bốn Điện sư: Đông: Thân vị, Nam: Bách chủ, Tây: A-kiệt-la; Bắc: A-chúc-lam. Bốn vị này đánh nhau, nên có tiếng sấm.

Lại, nước lửa gió đất đấu nhau, cho nên có sấm. Có năm việc

không có mưa:

1. Gió thổi.
2. Lửa bốc cháy.
3. A-tu-la dùng tay khuấy động biển.
4. Vũ sư dâm loạn.
5. Quốc vương không có lý trị, Vũ sư giận nên không mưa...

- “Đồng thời mưa xối xuống” là thí dụ thứ tư: Mưa xối. Ví như Phật dùng khẩu mật, Bát âm, Tứ biện mà tuyên diễn, mưa pháp xối xuống thấm nhuần lợi ích chúng sinh.

Từ “Khắp nơi thấm nhuần” trở xuống, là thí dụ thứ năm: Thọ nhuận. Mưa pháp báu rưới khắp tâm địa của bảy loại chúng sinh, có tập nhân chủng tử tức sinh Văn tuệ, gọi là “thấm nhuần”. “Gốc thân nhánh lá”: Tín là “gốc”, Giới là “thân”, Định là “nhánh”, Tuệ là “lá”, thứ lớp trợ giúp nhau cho nên dụ bốn thứ này. “Gốc nhỏ, thân nhỏ, nhánh nhỏ, lá nhỏ” tức Tín giới định tuệ của hàng Nhân Thiên. “Gốc vừa, thân vừa, nhánh vừa, lá vừa” tức Tín giới định tuệ của Nhị thừa. “Gốc lớn, thân lớn, nhánh lớn, lá lớn” tức Tín giới định tuệ của hàng Bồ-tát.

- Từ “Các giống cây lớn nhỏ” trở xuống, là Thí dụ thứ sáu: Tăng trưởng. Lại lược ghi nêu cỏ cây kia tùy phần thọ nhuận. Hai nhân Tập Báo thiện pháp đã nhờ mưa pháp thấm mà hai quả Tập Báo đều được tăng trưởng. “Xứng theo chủng tánh”: nêu dùng Quyền giáo xứng hợp căn cơ. Cây nhỏ thì không quá phần hạn, cây lớn không giảm thiểu, tức là bảy thứ Tập Báo hai nhân. “Đơm hoa kết trái”: hai quả Tập Báo. Lại, nói tăng trưởng tức ba nghĩa:

1. “Xứng theo chủng tánh”: nguyên do tăng trưởng; do dùng giáo xứng hợp căn cơ.

2. “Đều được sinh trưởng”: chính nêu tăng trưởng.

3. “Đơm hoa kết trái” tươi tốt: tướng tăng trưởng.

Từ “Dầu rằng một cõi đất sinh” trở xuống, là đoạn lớn thứ hai: Thí dụ một đất, một mưa không sai biệt, để hiển bày Nhất thật. Đây có ba:

1. Một cõi đất sinh: Ở giai đoạn Đạo tiền thì tâm địa sinh, ở giai đoạn tu nhân cuối cùng, tức Đạo hậu, thì Trí địa sinh.

2. Một vầng mây mưa: một âm thanh tuyên diễn pháp môn Nhất thừa mà khai phát năm loại thiện căn ở giai đoạn Đạo trung, cuối cùng là một âm giáo bình đẳng.

3. Ba cỏ hai cây bắm thọ lợi ích mà không tự hiểu biết: năm loại thiện căn nhờ mưa Phật pháp tùy phần tăng trưởng. “Mà không tự biết”:

Nhân của năm loại đều nương một Phật tánh. Cũng không tự biết: ngũ thừa giáo đều là Đại thừa. Cũng không tự biết: đồng qui về Phật tuệ. Chỉ có đức Như Lai mới có thể biết.

Từ “Ca-diếp nên biết! Đức Như Lai” trở xuống, là hợp thí. Hợp Thí sai biệt, chia làm hai:

1. Chánh hợp.

2. Đề ra Thí dụ, nhấn mạnh nghĩa hợp.

Thí dụ sai biệt có sáu: Nay hợp không theo thứ tự đó. Khai thí nêu căn cơ, trước luận về chúng sinh, Hợp thí nêu ứng, trước hợp Như Lai vì Như Lai là vị hóa chủ. Trong đây thứ nhất chánh hợp với thí thứ ba “mây dầy” cũng hợp với thí thứ nhất “thế giới” bên trên. Trong đây thứ hai hợp trên thí thứ tư “mưa xối” bên trên; trong đây thứ ba hợp thí thứ nhất “thế giới, núi, sông, ngòi, khe” bên trên, trong đây thứ tư hợp thí thứ hai “cỏ cây” bên trên, trong đây thứ năm hợp thí thứ năm “thấm nhuần” bên trên, trong đây thứ sáu hợp thí thứ sáu “tăng trưởng” bên trên. Hợp thí thứ lớp: nêu đức Như Lai ứng ở đời thì có tám âm thanh thuyết pháp, thuyết pháp tức có chúng sinh thọ hóa, chúng sinh nghe pháp đều thấm nhuần đạo, được thấm nhuần là đồng, nhưng sự tăng trưởng có sai biệt.

Hợp với nghĩa “mây dầy”: Trước nêu thân Phật mật, hợp với “mây có hình”, sau nêu Phật khẩu mật hợp “mây có tiếng”. “Như Lai cũng lại như vậy xuất hiện ở đời”, tức là chánh hợp ứng thân xuất thế. “Như vầng mây lớn nổi lên” tức nêu thí thuận hợp, nêu Như Lai đại từ hiện thân che chở nuôi dưỡng hết thảy. “Dùng âm thanh lớn” tức là nêu Phật khẩu mật, hợp thí “mây có tiếng”. “Thiên, nhân, A-tu-la” là riêng nêu ba đường thiện, vâng lời khẩu mật thì được lợi ích, tức là ba mươi người con căn tánh Tam thừa. “Như mây lớn kia” tức là nêu thí thuận hợp “mây có tiếng”. Trùm khắp cõi tam thiên đại thiên: nêu chung tất cả đều là Phật tử, đều nhờ khẩu mật mà được lợi ích. Hoặc có khi chỉ hợp năm thí dụ. Dem “trùm khắp thế giới...” gồm hợp với “thế giới đất đai”. “Thế giới” tức là Quốc độ thế gian. “Thiên, nhân, A-tu-la” tức là giả danh Ngũ ấm thế gian. Giả danh hợp “thế giới” bên trên, ngũ ấm hợp “sông, núi, ngòi, khe” bên trên.

Từ “Ở trong đại chúng mà xưng lời này” trở xuống, tức là hợp thí thứ tư “mưa xối” ở trên. Trước nêu chương môn, tiếp khuyên nghe nhận. Chương môn có sáu:

1. Mười hiệu, tức là “Như Lai, Ứng cúng v.v..”

2. Bốn hồng nguyện, tức là “Người chưa được độ thì khiến được

độ...”

3. Tam đạt, tức là “đời nay đời sau...”

4. Nhất tâm tam trí, tức là biết đầy đủ.

5. Ngũ nhãn, tức là thấy tất cả.

6. Tam nghiệp cùng trí tuệ hành: “Tri đạo” nghĩa là ý không hộ, “Khai đạo” nghĩa là thân không hộ, “Thuyết đạo” nghĩa là khẩu không hộ. Cũng gọi là Đạo sư, nghĩa là “bực Tri đạo”. “Các người, hàng trời...” là khuyên chúng sinh nghe nhận. Tám âm thanh của Phật giảng giải sáu thứ pháp môn. Dựa vào số nhiều, mới nói rằng khuyên ba đường thiện, thích ứng đến nghe pháp.

Từ “Bấy giờ có vô số ngàn muôn ức loài chúng sinh” cho đến “chỗ đức Phật mà nghe pháp”, Trong đây thứ ba hợp thí “núi sông” bên trên, dẫn đến quả báo mà có chúng sinh, như nương “núi sông” mà có được thế giới... “Trăm ngàn vạn ức” tức là chúng sinh trong mười pháp giới. Nay chính nói thất phương tiện chúng sinh sai biệt, phối hợp như trên nói. Hoặc từ “Các người trời người”... là đều hợp thí dụ Núi sông.

“Lúc đó đức Như Lai xem xét các căn lợi độn tinh tấn hay giải đãi của chúng sinh đó” đây là thứ ba hợp thí thứ hai “cây cỏ” bên trên. Xưa nói: Văn đây nhiều ra, không hợp dụ trên. Nay nói trong Thí dụ trên có cây cỏ sai biệt lớn nhỏ không đồng, trong đây nêu căn có lợi độn, hành có siêng năng biếng nhác, chính là tập nhân sâu cạn, đồng với nghĩa cây cỏ lớn nhỏ, đâu chẳng phải hợp thí mà nói “nhiều ra”?! “Lúc đó”: Nếu luận tiệm sơ, tức là tại vườn Lộc Uyển thời đầu tiên thuyết tam thừa, nếu luận trung gian, thì mọi nơi đều được coi như “lúc đó”. “Lợi, độn”: Xét chung thì nhân ác quả khổ trong ba đường, không thể thọ đạo gọi là “độn”, bảy loại phương tiện khai giáo được lợi ích, gọi là “lợi”. Xét riêng thì nhân thiện chỉ thọ quả báo không chịu thọ đạo, gọi là “độn”, tam thừa căn tánh đoạn Hoặc xuất giới, gọi là “lợi”. Lại, hàng Thanh văn quán sinh diệt, gọi là “độn”, Bồ-tát quán bất sinh diệt, gọi là “lợi”. Thông Biệt Viên... Ba đường phóng dật, gọi là “giải đãi”. Nhân thiên trì ngũ giới thập thiện, gọi là “tinh tấn”. Nhân thiên không nhằm chán khổ, gọi là “giải đãi”, Nhị thừa sợ vô thường, gọi là “tinh tấn”. Hàng nhị thừa tham chứng không cầu làm Phật, gọi là “giải đãi”, Bồ-tát chí cầu Phật đạo gọi là “tinh tấn”.

Từ “Tùy thuận sức nó kham nổi mà vì chúng sinh nói pháp” cho đến “khiến hoan hỷ được thiện lợi”: đây là thứ năm hợp Thí thứ năm “thọ nhuận” bên trên. “Tùy sức nó kham nổi” tức là xứng hợp cơ nghi, không có lỗi tăng giảm. “Hoan hỷ được thiện lợi”: được thấm nhuần

pháp, được lợi ích.

“Các chúng sinh này nghe pháp rồi” đây là thứ sáu hợp Thí thứ sáu “tăng trưởng” bên trên. “Hiện đời an ổn, đời sau sinh về chỗ lành” tức là báo nhân cảm báo quả, hợp với “hoa nở tăng trưởng”. “Cũng được nghe pháp” cho đến “nhập đạo”: tức là tập nhân lôi kéo tập quả, hợp với “quả thật tăng trưởng” bên trên. “Đã nghe pháp rồi”: hợp “nguyên do tăng trưởng” bên trên. “Hiện đời an ổn”: chánh hợp “tăng trưởng”. “Đời sau sinh về chỗ lành”: hợp nghĩa “tương tăng trưởng” bên trên.

Đức Phật như mây lớn che khắp tất cả, chúng sinh trong ba đường cũng được thấm nhuần tăng trưởng, như thuyết Bát-nhã Phương Đẳng nêu rõ địa ngục được lợi ích. Lại, trong các kinh cũng nói rằng, chim, quỷ thần... nghe pháp được lợi ích. Nếu lửa tắt nước nóng nguội tức là “hiện đời được an ổn”. Nếu sinh lên cõi trời trong cõi người, thì là “đời sau sinh về chỗ lành”. Ở trong hàng nhân thiên tu đạo tức là “do đạo được thọ hưởng vui”. Nếu hàng nhân thiên nghe pháp, trì giới, có phước đức giúp thân, thì quỷ rồng không xâm phạm, tức là “hiện đời an ổn”, hoặc Trời trở lại sinh vào cõi trời, cõi người trở lại sinh vào cõi người, hoặc trời người sinh lẫn nhau, tức “đời sau sinh về chỗ lành”. Chúng sinh năng ngộ giải, tức là “do đạo được thọ hưởng vui”. Hàng nhị thừa nghe pháp đắc Hữu dư Niết-bàn, là “hiện đời an ổn”. Như văn dưới nói: “Người ấy đối với công đức mà mình được lại sinh diệt độ tướng”, “ta ở cõi khác làm Phật”. “Lại không có tên khác, người ấy ở nước kia được nghe kinh này” tức chỉ cõi Phương Tiện hữu dư là “chỗ lành”, ở nước kia nghe kinh này là “do đạo được thọ hưởng vui”. Nếu sinh thân Bồ-tát nghe đức Phật Lô-xá-na thuyết pháp thì đắc Vô sinh nhẫn, tức “hiện đời an ổn”, đời sau sinh thế giới Tịnh Mãn làm quyến thuộc Pháp thân, tức là “chỗ lành”, “do đạo được thọ hưởng vui”. “Lìa các chướng ngại” tức là hiện đời an ổn. “Theo sức mình kham được, dần dần được nhập đạo” tức là đời sau do đạo được thọ hưởng vui.

Ngũ thừa: Ngũ giới thừa xuất ba đường khổ. Thập thiện thừa xuất tám khổ trong Nhân đạo, Thanh văn thừa xuất vô thường khổ trong ba cõi. Duyên giác thừa xuất khổ do nghe pháp từ người khác. Bồ-tát thừa xuất khổ do bên trong không lợi trí, bên ngoài không có tướng hảo; đó là Ngũ thừa.

Hỏi: Chỉ nên dùng Nhân Thiên làm thế gian thừa các thừa khác là thừa xuất thế gian. Lại Phật là Thật thừa, các thừa khác là Quyền thừa. Lại, Phật là Quả thừa, các thừa khác là Nhân thừa. Lại, nên làm tam thừa: Nhân thiên là hạ, Nhị thừa là trung, Phật là thượng. Lại, Nhân

thiên gọi là Bất đoạn phiến não thừa, Nhị thừa gọi là Đoạn phiến não thừa, Phật gọi là Phi đoạn phi bất đoạn thừa. Lại, Nhân thiên gọi là Bất đoạn, Phật gọi là Đoạn, hàng Nhị thừa gọi Cũng đoạn cũng bất đoạn. Lại, phàm phu hiền thánh, phi phàm phi Thánh, hữu không, phi hữu, phi không thừa... Đại luận nêu rõ năm thiện căn, kinh Thắng Man nêu bốn tạng, cùng ba cỗ hai cây là thế nào?

Đáp: Nhân thiên là hai thiện, Nhị thừa là một thiện, và Phật và Bồ-tát, là năm là khai đại hợp tiểu, Ngũ thừa thì khai tiểu hợp đại. Bốn tạng hợp phàm khai Thánh, Ngũ thừa thì phàm thánh đều khai, tùy duyên không đồng.

Từ “Như mây lớn kia” trở xuống, là đề ra thí dụ thuận hợp sáu ý: “Mây lớn” thuận hợp thứ nhất: hình sắc âm thanh hai thứ lợi ích. “Mưa rưới khắp tất cả”: thuận hợp thứ hai: sáu chương pháp môn. “Cỏ cây lùm rừng”: thuận hợp thứ tư: chúng sinh thọ hóa có lợi độn, giải đãi tinh tấn, tập nhân sâu cạn. “Như chũng tánh kia đều được thấm nhuần đầy đủ”: thuận hợp thứ năm: thọ nhuận đặc pháp lợi. “Đều được sinh trưởng”: thuận hợp thứ sáu: hiện đời an ổn tăng trưởng.

Từ “Đức Như Lai nói pháp một tướng một vị” trở xuống, là hợp Thí không sai biệt. Trên khai ba, nay hợp cũng ba, nhưng không theo thứ tự. “Một tướng một vị”: song hợp một cõi đất một trận mưa. Từ “Nghĩa là” trở xuống, là song thích một cõi đất một trận mưa. Từ “Có chúng sinh nào” trở xuống, hợp trên là “các cỏ cây đều có sai biệt”. Từ “Vì sao?” trở xuống, giải thích sai biệt. Như Lai năng biết sai biệt, không sai biệt. “Một tướng”: là tâm chúng sinh đồng một tướng chân như, là một địa. “Một vị”: là pháp nhất thừa đồng thuyên giải Nhất lý, là một trận mưa. Xưa đối với nhất thật tướng mà phương tiện khai làm bảy tướng, đối với nhất thừa pháp mà phân biệt thuyết có bảy giáo, vì Phật biết rõ ráo trọn qui về một tướng một vị. Từ “Nghĩa là” trở xuống, song thích một tướng một vị, tâm tánh chúng sinh tức là tánh đức. Ba loại tướng: “giải thoát, xa lìa, diệt”. Một âm thanh của Như Lai thuyết ba pháp này, tức là ba vị. Ba tướng đây dùng làm cảnh giới, duyên sinh hành trung đạo, cuối cùng thì được gọi là quả nhất thiết trí, cho nên nói “rất ráo đến nhất thiết chủng trí”. Hợp thí dụ cỏ cây sai biệt như sau giải thích, không ghi chép lại. Có khi làm ba ý hợp:

1. Ý không sai biệt, hợp “một cõi đất một trận mưa” bên trên.
2. Ý sai biệt, hợp “cỏ cây sai biệt” bên trên.
3. Như Lai năng biết, giải thích thành hai ý. Không sai biệt: nghĩa là một tướng một vị. Một tướng hợp “một cõi đất” bên trên. “Tướng

giải thoát” là không có tướng sinh tử. “Tướng xa lìa” là không có tướng Niết-bàn. “Tướng diệt” là không có tướng cũng vô tướng. Chỉ có thật tướng, cho nên gọi “một tướng”. Một tướng tức bản Vô trụ, lập tất cả pháp. Vô trụ vô tướng, tức không sai biệt. Lập tất cả pháp tức có sai biệt. Sai biệt thì như cây cỏ, không sai biệt thì như một cõi đất. Đất tuy không sai biệt mà năng sinh cây đào, cây lý, cỏ cây, lùm rừng sai khác, tuy có sai khác mà đồng là một tướng vững chắc. Nếu biết đất có đủ đào lý, tức biết trong thật có quyền, hiểu không sai biệt tức là sai biệt. Nếu biết tướng vững chắc của đào lý, tức biết trong quyền có thật, hiểu sai biệt tức không sai biệt. Do vì nghĩa này, cho nên dùng một tướng hợp Thí “một cõi đất” bên trên. “Một vị” tức là Thật giáo thuần nhất không xen tạp, theo lệ “một tướng” có thể hiểu. “Giải thoát”: không có hai biên Phần đoạn và Biến dịch, không bị nghiệp trói buộc cho nên gọi là “tướng giải thoát”. “Tướng xa lìa”: đặc trí tuệ trung đạo, trí tuệ này có khả năng xa lìa hai biên, không còn chấp trước, nên gọi là “tướng xa lìa”. “Tướng diệt”: là nhân hai biên diệt, đặc Hữu dư Niết-bàn, quả hai biên diệt, đặc Vô dư Niết-bàn nên gọi là “tướng diệt”. Mỗi mỗi câu theo lệ như nghĩa sai biệt, không sai biệt, căn cứ theo “một tướng” thì có thể hiểu. “Rốt ráo đến nhất thiết chủng trí”: Nếu đặc tướng diệt nhị biên, tức là hai hoặc Thông Biệt tận, nhập tri kiến Phật, vì nhất thiết chủng trí trong tâm hành Bát-nhã. Ban đầu phát và cuối cùng, hai thứ này không sai biệt, cho nên nói “cứu cánh”. Đây tức trí tuệ Phật, cho nên nói “nhất thiết chủng trí”.

Từ “Có chúng sinh nào nghe pháp Như Lai” cho đến “tự mình không hay biết” nêu sai biệt. Từ đây sắp xuống là nêu rõ nghĩa sai biệt. “Chúng sinh” là núi sông sai biệt giả thật, cũng là sai biệt chủng tử. “Như Lai” tức là mây. “Nghe pháp” tức là mưa. “Đọc tụng, tu hành” tức là thấm nhuần. “Công đức” tức là tăng trưởng. Các thứ sai biệt như đây đều không thể biết.

- Văn chia làm năm:

1. Chúng sinh không biết.
2. Như Lai năng biết.
3. Nêu dụ thuận hợp: chúng sinh không biết.
4. Nêu tổng kết giải thích Như Lai năng biết ở trên.
5. Giải thích nghi.

1. “*Có chúng sinh nào*”: là nêu người không biết. “Nghe pháp của Như Lai”: nghe pháp âm Nhất thừa. “Thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói”: chính nêu không biết. “Thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói”: thì

không đồng, cho nên “tu hành” đều sai khác. Hàng Nhân Thiên giải theo thiện giới. Tam thừa giải Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ. Giải đã không đồng, tức là sai khác. “Được công đức tự mình không hay biết” nêu năm thừa dù vâng lãnh giáo mà không biết giáo lý Phật một vị không sai biệt, cũng không biết bảy thứ phương tiện mỗi mỗi đều hiểu, mà chấp hiểu của mình là thật. Đây là không biết Quyền, cũng không biết Thật, tức là sai biệt, “không tự hiểu biết”.

2. *Như Lai năng biết*: Lược giảm số chỉ nêu mười cảnh hợp làm bốn ý: a. Căn cứ bốn pháp biết. b. Căn cứ ba pháp biết. c. Căn cứ hai pháp biết. d. Căn cứ một pháp năng biết.

Căn cứ bốn pháp: nghĩa là “chủng, tướng, thể, tánh”. “Chủng”: ba đạo là chủng của ba đức. Kinh Tịnh Danh nói : “Tất cả lũ phiền não cũng là chủng của Như Lai”, đây nêu do đạo phiền não mà có Bát-nhã. Lại nói: “Ngũ vô gián đều sinh tướng giải thoát”, đây do bất thiện mà có thiện pháp giải thoát. Tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, không thể diệt nữa. Đây tức sinh tử là pháp thân. Đây là căn cứ đối đãi nhau mà luận về chủng. Nếu căn cứ loại luận về chủng, thì tất cả cúi đầu gơ tay đều là chủng giải thoát, tất cả thế trí tam thừa giải tâm tức chủng Bát-nhã. Phàm người có tâm thấy đều sẽ làm Phật, tức chủng Pháp thân. Các chủng sai biệt Như Lai đều biết. Tất cả chủng chỉ là một chủng, tức là không sai biệt, Như Lai cũng năng biết. Sai biệt tức không sai biệt, không sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết. “Tướng, thể, tánh”: căn cứ Thập pháp giới, Thập như, mà giải thích. Nếu luận về sai biệt, tức thập pháp giới tướng. Nếu luận không sai biệt, tức một Phật giới tướng. Sai biệt, không sai biệt, Như Lai năng biết. Sai biệt tức không sai biệt, không sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết. “Thể, tánh” theo lệ như vậy, có thể biết.

Từ “Nhớ việc gì?” trở xuống, là căn cứ ba pháp nêu Như Lai năng biết. Ba pháp tức là ba tuệ, vẫn có ba lớp:

1) Cảnh ba tuệ.

2) Thể ba tuệ.

3) Nhân duyên ba tuệ. “Nhớ việc gì?": nêu công dụng của ba tuệ.

Niệm chấp sự sở niệm, tức là cảnh ba tuệ. Từ “Nhớ thế nào?": nhớ là ghi chép pháp được nghe, chính là thể của niệm tuệ. Từ “Dùng pháp gì để nhớ?” trở xuống, tức là ba tuệ chấp cảnh nghe pháp là nhân duyên. Lại, ba tuệ cảnh trí, nhân duyên hợp, cho nên được có pháp ba tuệ, lại vẫn gọi là nhân duyên. Như “Tam thừa tam tuệ” đây, xưa gọi là “cảnh thể nhân duyên” có khác, tức là sai biệt. Nếu nhập viên diệu tam tuệ,

thì không sai biệt. Có sai biệt, không sai biệt này, thì Như Lai năng biết. Lại, sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết.

“Dùng pháp gì đắc pháp gì?”: căn cứ hai pháp, nêu Như Lai năng biết. “Dùng pháp gì” tức là nhân, “đắc pháp gì” tức là quả. Nhân ngũ thừa đều đắc quả của nó, tức là sai biệt. Chúng sinh như, Phật như, nhất như, vô nhị như. Chỉ là một nhân một quả, tức không sai biệt. Sai biệt, không sai biệt, thì Như Lai năng biết. Sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết.

“Chúng sinh ở nơi các bậc”: căn cứ một pháp, nêu Như Lai năng biết. Bảy phương tiện trú nơi bảy vị, cho nên nói “các bậc”, đây tức sai biệt. Như Lai dùng Phật nhãn như thật mà thấy, như các dòng chảy vào biển, mất vị riêng của chúng, thì không sai biệt. Tùy ý người khác mà nói, là dùng trí phương tiện mà diễn thuyết, thì Như Lai năng biết sai biệt. Pháp Như Lai thuyết đều đạt đến nhất thiết trí địa, thì Như Lai năng biết không phân biệt...

3. Từ “*Như cây cối lùm rừng cỏ thuốc*” trở xuống, nêu dụ thuận hợp: chúng sinh không biết.

4. Từ “*Như Lai biết pháp*” trở xuống, nêu tổng kết năng biết ở trên. “Một tướng một vị” như trước giải thích, “một tướng một vị” là giải thoát, ly, diệt. Vì duyên mà phân biệt, tức là vô lượng trong một. “Cứu cánh Niết-bàn cuối cùng trở về không”, tức một trong vô lượng. Đây là nêu trước lập lại giải thích không sai biệt. Vì sao? Vì “một tướng một vị” là giải thoát, ly, diệt. Nếu là pháp thể nhị thừa, thì còn là ngôn thuyết diễn bày sai biệt. Nay cho rằng Đại thừa cứu cánh Niết-bàn chung qui Không, tức thông không sai biệt. “Cứu cánh Niết-bàn” là kết các câu trước, đều chẳng phải hai thứ Niết-bàn Hữu dư, Vô dư của Nhị thừa mà chính là “cứu cánh Niết-bàn”. Thường tịch diệt tướng: kết các câu chẳng phải Tiểu thừa tịch diệt, mà chính là thường trú tịch diệt. Văn trên nói: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt” tức nghĩa đây vậy. “Cuối cùng trở về Không”: chẳng phải là Không của thiêu thân diệt tâm, mà chính là trung đạo đệ nhất nghĩa Không, trịnh trọng cú đầu chấp tay là giản lược nghĩa thật khác quyền. Xưa nói: “Cuối cùng trở về Không: tức Phật tuy có thân thông kéo dài tuổi thọ vô lượng, thị hiện lại gặp bội số trên, mà thọ mạng hết cuối cùng trở về thiêu thân đoạn tâm, cho nên nói “cuối cùng trở về Không”. Đây thực là khổ Phật khổ kinh, sao có thể nói?! Ngài Quang Trạch nói: “Cuối cùng trở về nhập Hữu dư, xả trí thân vô thường”. Có người nan vấn về giải thích này: “Nếu vậy,

thì cùng nhị thừa đâu có khác gì?!” Kinh văn nêu hai thứ cứu cánh: Thứ nhất cứu cánh đến nhất thiết chủng trí, đây là nêu trí quả đối nhị thừa trí, chẳng phải cứu cánh. Thứ hai, nêu cứu cánh Niết-bàn thường tịch diệt tướng, cuối cùng trở về Không, đây là nêu đoạn đối nhị thừa đoạn, chẳng phải cứu cánh. Văn nói nghĩa cứu cánh, biết chẳng phải Không của Tiểu thừa. Ngài Long Ẩn nói: Không của Đại Niết-bàn thì không có pháp tướng, không có phiền não, cho nên gọi là Không. Cuối cùng trở về thường trú đệ nhất nghĩa Không”. Trung sư nói: “Cuối cùng trở về trí tuệ đệ nhất nghĩa Không”. Có người nói: “Phật quả không hệ lụy, cho nên nói Không”. Có người chú giải: “Không và Có đều được nhìn thấu và trừ bỏ, thì mới gọi là Không”. Xưa các sư đều không giải thích theo nghĩa Tiểu thừa. Riêng ngài Quang Trạch sao lại như vậy.?!

5. Từ “Đức Phật biết như thế rồi xem xét tâm chúng sinh” trở xuống là Giải thích nghi. Phật xưa đã biết đầu đuôi đều là một, sao không nói vườn Lộc Uyển vì chúng sinh thuyết Thật? Giải thích: Xem xét tâm ham muốn của chúng sinh, tùy ba Tát-đàn mà ủng hộ, sợ chúng hủy báng cho nên không thuyết ngay.

Từ “Ca-diếp các ông” trở xuống: chủ yếu lại là xứng thuật muốn giải thích nghi. “Nghi”: được nghe vô lượng công đức của đức Phật, nghĩa là bốn vị đệ tử đều tề giáo lãnh giải, đâu cần phải Thật. Cho nên, đức Phật xứng thuật: tuy chúng chưa đạt đến Phật địa mà đều tề giáo không hư dối, cũng là dẫn phát hạ căn, khiến đồng được ngộ. Văn chia làm hai: 1. Thuật. 2. Giải thích.

Trước tiên tán thán “hy hữu”: Hàng phàm phu có nghe lại có thể được lợi ích, Bồ-tát thì đã hiểu sự không lạ gì nhiều, không vì chánh vị mà có thể xả bỏ chứng nhập, thật rất là hy hữu. Thuật lại ý năng biết Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng lãnh hội ý khai tam. Tiếp nói năng tín thọ: Tức thuật các đệ tử lãnh hội ý hiển nhất. “Vì sao?” là giải thích thuật ý. Là nêu đức Phật đối với một đạo mà thuyết ba, sâu xa vi diệu “khó hiểu khó biết”, mà các ông có thể tin. Riêng cho rằng: văn trước nói “Như Lai lại có vô lượng công đức, các ông nói không thể cùng tận”. Văn sau nói: “Các ông rất là hy hữu” tức là: Ân Phật bao trùm khắp, như mây mưa không nơi nào là không phủ thấm. Ân Phật che chở khắp, như đại địa không chỗ nào mà không sinh thành. Sao lại riêng vì một căn cơ một phương mà thôi? Cho nên, nói “các ông nói không cùng tận”. Ân Phật tuy phủ khắp mà chúng sinh thường ngày không tự hiểu biết. Như ba cỏ hai cây sinh trưởng, gốc rễ trong đất thọ nhuận ân mưa mà không thể biết. Các ông có thể biết từ đầu đến cuối mười ân rất là

hy hữu: Người chưa được độ thì khiến được độ... thuật cho chúng biết bốn hồng nguyện của đức Phật, ân rất là hy hữu. Chúng sinh hiện đời an ổn, đời sau sinh chỗ thiện, do đạo mà thọ hưởng vui, thuật cho chúng biết Đại từ ban vui, ân rất là hy hữu. Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại, có đủ năng lực dần dần được nhập đạo, thuật cho chúng biết Đại bi cứu khổ, ân rất là hy hữu. Luân vương, Thích, Phạm, là cỏ thuốc nhỏ, thuật cho chúng biết khuyến thiện trừ nhiệt não, ân rất là hy hữu: Biết vô lậu pháp, năng đắc Niết-bàn và chứng Duyên giác, là cỏ thuốc vừa; thuật cho chúng biết trừ các nhiệt kiến ái, ân rất là hy hữu. Cỏ bậc thượng, cây nhỏ, như là thẹn Tiểu hãm mộ Đại, thuật cho chúng biết ngăn ngừa xấu, ân rất là hy hữu. Cây lớn, là thuật cho chúng biết trang nghiêm ân rất hy hữu. Sự thật trên hết là “một cõi đất, một trận mưa”, thuật cho chúng biết “giao phó tài vật, ngôi tòa, thân tâm tài pháp tự tại an lạc”, ân rất hy hữu. Đức Phật thuật bày sự sai biệt đó và tán thán mười ân, vẫn đã tận. Nếu thuật bày nghĩa Không sai biệt và tán thán, tức là tán thán một đại ân.

Kệ có năm mươi bốn hàng rưỡi, tụng ý khai hiển bên trên. Khai hiển có pháp, thí, nay đều tụng. 1. Bốn hàng đầu, tụng Pháp thuyết. 2. Năm mươi hàng rưỡi, tụng Thí thuyết.

- Tụng Pháp thuyết lại có hai:

1. Nêu Pháp vương.

2. Khai hiển.

a. Nửa hàng, tụng Pháp vương không hư dối.

b. Ba hàng rưỡi, tụng khai hiển.

Văn trên hai giáo hai trí nay cũng tụng đủ. Ban đầu một hàng rưỡi, tụng hai giáo, sau hai hàng, tụng hai trí. Đầu “Theo tánh của chúng sinh” xuống, nửa hàng tụng Quyền giáo. Tiếp “Đức Như Lai tôn trọng” xuống, một hàng tụng Thật giáo. Tiếp “Người trí nếu được nghe” xuống, một hàng tụng giải thích Quyền trí. Sau cùng “Ca-diếp! Vì cơ đó” xuống, một hàng tụng giải thích Thật trí.

Tùy các món nhân duyên mà thuyết các thứ giáo, đều là khiến đắc Đại thừa chánh kiến. Từ trước đến đây, đều gọi là tà kiến. Đây ý tụng là Như Lai tứ Tất-đàn: “Pháp vương phá các cõi” : Đối trị Tất-đàn. “Theo tánh của chúng sinh” :Thế giới. “Người trí nếu được nghe” cho đến “Thời bèn là mất hẳn”: Vị nhơn. “Khiến chúng được chánh kiến”: Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Ba Tất-đàn thì tụng “dùng trí phương tiện mà diễn thuyết” ở trên; “Khiến chúng được chánh kiến” là tụng “đạt đến nhất thiết trí địa” ở trên.

Từ “Ca-diếp! Ông nên biết, thí như...” xuống, năm mươi hàng rưỡi, tụng Thí thuyết ở trên.

Ban đầu mười hàng rưỡi, tụng Khai thí.

Tiếp bốn mươi hàng, tụng Hợp thí. Trên khai hai thí. Nay chín hàng rưỡi đầu, tụng thí dụ sai biệt, tiếp một hàng, tụng thí dụ Không sai biệt. Chín hàng rưỡi tụng nghĩa sai biệt, trên sai biệt có sáu, nay cũng tụng sáu, nhưng không như trường hợp khai thí, như hợp thứ tư. Ban đầu ba hàng, tụng thí dụ Mây. “Trận mưa đó cùng khắp” trở xuống một hàng tụng thí dụ Mưa xối. “Nơi núi sông hang hiểm”, một câu, tụng thí dụ Đất đai núi sông. “Chỗ rậm rạp sinh ra”: hai câu, tụng thí dụ Cỏ cây lùm rừng. Từ “Các thứ cây lớn nhỏ” trở xuống, hai hàng ba câu, tụng thí dụ Thọ nhận. Từ “Tất cả các giống cây” trở xuống, hai hàng tụng thí dụ Tăng trưởng. Mây dụ Ứng thân, Ứng thân tùy trí tuệ mà hành, cho nên nói “mây trí tuệ”, có thể đầy đủ mười hai bộ pháp gọi là “chứa nhuần”. Nếu Ứng thân không thể thuyết pháp, như Phật Tu-Phiến-Đa, Phật Đa Bảo thì mây này không thể chứa nhuần. Thân phóng hào quang lớn như điện sáng chói, miệng chấn Tứ biện tài như “tiếng sấm”. Chín mươi lăm thứ ánh sáng tà không hiện, cho nên nói “che khuất”, trừ chín mươi tám thứ não nhiệt ví như “trên mặt đất mát mẻ”. “Dường có thể nắm tới”: là ứng thân giáng thể giống như tam hữu, người có tâm đến lấy thực không thể được. Tám âm thanh, bốn biện tài, diễn thuyết pháp như mưa xối. “Bốn phương đều xối xuống”: đồng thời đều được nghe, cũng nói “tứ đẳng”. Phàm người có tâm đều nhờ lợi ích thấm nhuần, cho nên nói “cõi đất đều thấm đầy”. Đây thì thành trên. Lại, thành thí dụ núi sông ở dưới.

Một câu “Nơi núi sông hang hiểm”, tụng thí dụ đất đai, tức là bảy phương tiện chúng sinh ngũ ấm, nay nhờ mưa pháp thân khẩu mềm mại như đất đai được thấm nhuần. “Chỗ rậm rạp sinh ra”, là tụng “chúng sinh tập nhân sai biệt” bên trên, dụ cho chúng sinh từ lâu gieo trồng tập nhân ẩn trong ấm giới nhập cho nên nói “rậm rạp”, nay nhờ mưa pháp mà đều được khai phát cho nên nói “sinh ra”. “Trăm giống lúa” là nói chung ngũ cốc, dụ cho Ngũ thừa năng sinh trăm điều thiện. “Các thứ mía cùng nho” là dụ cho định tuệ. “Đất khô khắp được ướt”: dụ người chưa tin khiến cho họ tin, các thí dụ khác như vãn.

Từ “Theo thể tướng của nó, tánh loại chia lớn nhỏ” trở xuống, một hàng tụng thí dụ không sai biệt. Vãn trên có ba, trong đây lược không tụng một cõi đất, mà “sinh ra” bao gồm nghĩa đó. Hai câu đầu tụng

“được sinh ra, được thấm nhuần”. Tiếp một câu tụng năng thấm nhuần, là tụng không sai biệt, “Mà đều được sum sê”: tụng “sai biệt không thể tự biết”.

Từ “Đức Phật cũng như vậy, xuất hiện ra trong đời” trở xuống, bốn mươi hàng, tụng Hợp thí, chia làm hai:

1. Ba mươi lăm hàng đầu, tụng hợp sai biệt.

2. Năm hàng sau, từ “Như thế Ca-diếp này” trở xuống, tụng hợp không sai biệt. Trên hợp thí dụ sai biệt, thì trước chánh hợp, sau thí thuận. Nay tụng cũng trước hợp, sau tiện nêu thí thuận.

Hàng tụng đầu hợp thí dụ mây: hai câu trên dùng thân hợp với nghĩa mây. hai câu dưới nêu thí dụ thuận hợp.

Tiếp: “Đã hiện ra trong đời” trở xuống, tám hàng rưỡi, tụng hợp thí dụ mưa. Trên thì trước nêu chương môn, sau khuyên nghe nhận. “Đã hiện ra”... xuống, ba hàng lược tụng mười hiệu, tiếp một hàng rưỡi, tụng bốn hồng nguyện, trong sáu chương môn chỉ tụng hai chương.

Từ “Thấm nhuần khắp tất cả” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng bốn hồng thệ.

Từ “Các hàng trời người này” trở xuống, bốn hàng, tụng khuyên nghe nhận.

Từ “Ta xem tất cả chúng” trở xuống, bốn hàng, tụng hợp thí dụ Núi sông bên trên. Núi sông dụ bảy thứ ngũ ấm chúng sinh. Như mưa xối không chọn lựa ngòi, khe, đức Phật bình đẳng thuyết cho nên nói “không có lòng đây kia”. Có căn cơ, gọi là “đây”, không căn cơ, gọi là “kia”. Gieo trồng thiện là “yêu”, ghét nghịch là “ghét”. Phật sự là việc mình, ma sự là “việc khác”. Ứng ban đầu là “đến”, ứng sau là “đi”. Nhập thật là “ngồi”, xuất quyền là “đứng”. Phật quán chúng sinh là như thế, tức là ý mưa bình đẳng xối xuống núi sông, tụng “vô số ức loại chúng sinh đi đến chỗ Phật mà nghe pháp” bên trên.

Từ “Sang hèn cùng thượng hạ” trở xuống, hai hàng tụng “Đức Như Lai lúc bấy giờ xem xét chúng sinh ấy” bên trên hợp với “sinh ra cỏ cây lùm rừng”, tức từ “sang hèn” cho đến “lợi độn” là căn cứ bảy phương tiện truyền truyền tạo tác.

Từ “Tất cả các chúng sinh, được nghe pháp của ta” trở xuống, mười một hàng tụng “chúng chúng vô lượng đều khiến hoan hỷ” bên trên hợp thí dụ Thọ nhuận. Văn chia làm ba phần:

1. Một hàng, tổng nêu thọ nhuận.

2. Từ “Hoặc là ở trời người” trở xuống, bảy hàng, nêu chi tiết thọ nhuận.

3. Ba hàng, kết sở nhuận năng nhuận.

Có người giải thích: “Nhân thiên là cỏ nhỏ, Nhị thừa là cỏ vừa, ngoại phàm là cỏ lớn. Nội phàm là cây nhỏ, sơ địa cho đến thất địa là cây lớn”. Có người cho rằng “nội phàm là cỏ lớn, sơ địa đến thất địa là cây nhỏ, bát địa là cây lớn”. Có người “coi tam thập tâm là cỏ lớn, sơ địa đến lục địa là cây nhỏ, thất địa sắp lên là cây lớn”. Nhưng ba cỏ hai cây thì Phật tự hợp dụ, văn nêu rõ ràng, vì sao tâm các sư lại trái Phật trái kinh ư?!

Phần nêu chi tiết thọ nhuận, văn chia làm năm: 1. Một hàng đầu: nhân thiên đều chưa đoạn Hoặc, hợp làm “cỏ nhỏ”. 2. Từ “Rõ biết pháp vô lậu” trở xuống, hai hàng: nêu Nhị thừa đều có đoạn chứng, hợp làm “cỏ vừa”. 3. Từ “Hoặc cầu bậc Thế Tôn” trở xuống, một hàng nêu rõ lục độ, chí cầu làm Phật hóa độ chúng sinh, hơn hàng nhị thừa, riêng làm “cỏ lớn”. 4. Từ “Lại có hàng Phật tử” trở xuống, một hàng rưới: nêu Thông giáo, đã đoạn Thông hoặc, thệ nguyện đui dắt người khác tu tập, dẫn đến chỗ có hóa tha. So với dưới thì ưu việt, nhưng sánh với trên thì kém, cho nên gọi “cây nhỏ”. 5. Từ “Hoặc an trú thân thông” trở xuống, một hàng rưới: nêu Biệt giáo, tự hành hóa tha, cao rộng làm hơn, cho nên gọi là “cây lớn”. Căn cứ ba vị Bồ-tát đều ví như ba loại cây. Lục độ căn cứ ba Tăng kỳ. Thông giáo căn cứ thất, bát, cửu địa. Biệt giáo căn cứ tam thập tâm.

Từ “Phật chỉ bình đẳng thuyết” trở xuống, ba hàng: kết sở nhuận năng nhuận. Văn chia làm hai phần: 1. Một hàng rưới, nêu thí thuận giải thích sở thọ nhuận. Tuy nêu rõ bảy thứ, bảy thứ là ít “như một giọt trong biển”. Từ “Phật dùng thí dụ này” trở xuống, một hàng rưới, dụ đây nêu năng nhuận, Phật trí nhiều như biển cả.

Từ “Ta rưới trận mưa pháp” trở xuống, tám hàng rưới, tụng “các chúng sinh nghe pháp này rồi” hợp thí dụ “hoan hỷ tăng trưởng”. Văn chia làm hai phần: 1. Hai hàng đầu. 2. Sáu hàng rưới sau.

1) Hai hàng đầu: tụng tụng tăng trưởng. Lại chia làm hai:

a. Một hàng, tụng tụng nghĩa trưởng.

b. Một hàng, nêu dụ thuận giải thích.

2) Sáu hàng rưới, từ “Pháp của các Đức Phật” trở xuống: nêu chi tiết tăng trưởng. Văn chia làm bốn:

a. Một hàng rưới, nêu nhân thiên tăng trưởng đều được đầy đủ, là tụng “hiện đời được an ổn”. “Dần dần siêng tu hành”: tụng đời sau do đạo mà thọ hưởng vui.

b. Từ “Hàng Thanh văn Duyên giác” trở xuống, một hàng rưới,

tụng Nhị thừa tăng trưởng. “Trụ thân hình rốt sau” có hai giải thích: b.1) Nhị thừa thân này, nếu không gặp Phật thì chưa hẳn không có thân sau. Do thấy Phật cho nên thành thân rốt sau, tức là nghĩa tăng trưởng. b.2) Nhị thừa đắc Hữu dư Niết-bàn “trụ thân rốt sau”, đắc Phật ngũ vị, điều hòa thuần thực, đắc nhập Pháp Hoa. Nghe pháp Đại thừa được hiểu tức là tăng trưởng.

c. Từ “Nếu các vị Bồ-tát, trí tuệ rất vững bền” trở xuống, một hàng rưỡi: tụng tăng trưởng theo Thông giáo. “Vững bền”: thể pháp tuệ. “Rõ suốt cả ba cõi”: đoạn Hoặc tận.

d. Từ “Lại có vị trụ thiên” trở xuống, hai hàng: tụng tăng trưởng theo Biệt giáo.

Hỏi: Một đám mây một trận mưa cùng một âm đồng hay khác?

Đáp: Các vị ở bậc thấp dùng một âm, khiến người khác nghe một pháp. Phật dùng một âm tùy loại đều hiểu. Nay một đám mây một trận mưa, chính là một âm tùy loại.

Có người giải thích: Pháp thân bất nhị, gọi là “một”, từ Pháp thân xuất ra âm thanh cho nên nói “một âm”. Có người nói: “Nhất thời đều xuất ra các tiếng, cho nên nói một âm”. Có người nói: “Trong năm âm tùy dùng một âm”. Đại luận nêu rõ: “Một âm báo hiệu các tiếng, không nói đều xuất, cũng không nói là pháp thân xuất âm thanh”. Luận Tỳ-bà-sa nói: Phật dùng một âm nói Tứ đế, năm người nghe tiếng nói của loài người, tám vạn chư thiên nghe tiếng nói của (chư) thiên, địa ngục, dạ-xoa đều nghe đồng tiếng nói của chúng, đề xướng dạy bảo đến Phạm thiên đó là Phạm âm, cũng là Phật báo được âm thanh rất thanh tịnh vi diệu, gọi là “Phạm âm”. Nếu báo được Phạm âm thì loài người không nghe được, có nghe cũng không hiểu.

Từ “Như thế Ca-diếp này” trở xuống, năm hàng tụng Thí không sai biệt bên trên. Văn chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu, tụng không sai biệt mà sai biệt. Ba hàng rưỡi sau, tụng sai biệt mà không sai biệt. “Thí như vầng mây lớn, dùng nước mưa một vị” : tụng hợp một vị mưa không sai biệt bên trên. “Đượm nhuần nơi hoa người, đều được kết trái cả” : tụng sai biệt bên trên.

Từ “Ca-diếp ông nên biết” trở xuống: nêu Quyền. Quyền tức sai biệt, hợp sở sinh bên trên. “Nay ta vì các ông”: hiển Thật. Thật tức không sai biệt, hợp một cõi đất bên trên. “Đều chẳng phải diệt độ”, là chưa vượt qua Biến dịch sinh tử. Riêng nói Nhị thừa, là do nhị thừa kia sẽ chứng chắc chắn, hàng Nhân Thiên không chấp quả làm Niết-bàn, Bồ-tát không thể trung gian thủ chứng. “Là đạo của Bồ-tát”, tức Bồ-

tát hành đạo cũng cần đoạn Thông hoặc. Ông đã đoạn tận, tức là đạo của Bồ-tát. Pháp Hoa luận nói: Phát tâm thoái rồi trở lại phát, trước đã tu thiện không diệt đồng sau được quả. Nhị thừa Trí Đoạn là đạo của Bồ-tát, là Nhị thừa chấp quả của họ bài xích nói là đạo Bồ-tát, đạo tức nhân vậy.

Hỏi: Bồ-tát cũng có quả. Phẩm Tín Giải nói: đắc đạo đắc quả. Kinh Đại Phẩm nói: “Hữu pháp là đạo Bồ-tát, vô pháp là quả Bồ-tát”. Có sao không nói là quả Bồ-tát?

Đáp: Nghĩa đây cũng nên được. Nay nói: hoặc đạo hoặc quả đều là nhân Phật, nhân tức là đạo.

Phẩm Thứ 6: THỌ KÝ

Tiếng Phạn là Hòa-già-la, Trung hoa dịch Thọ Ký.

Hỏi: Các kinh phá nghĩa Thọ Ký. Kinh Tịnh Danh nói: “Từ Như sinh đắc ký, từ Như diệt đắc ký, Như không sinh diệt thì biết vô ký”. Kinh Tư ích nói: “Nguyện không nghe danh thọ ký”. Đại Phẩm nói: “Thọ ký là hý luận”. Nay kinh này như thế nào?

Đáp: Nếu Kiến chấp có thọ ký, thọ ký cho người, thì Kiến chấp này nên phá. Bồ-tát vì thế nguyện được thọ ký, thì ký này nên cho. Theo Thế đế thì có thọ ký, theo Đệ nhất nghĩa thì không. Tứ Tất-đàn thích ứng theo thời như dưới nói. Nếu thọ ký chung, thì như đầu phẩm Pháp Sư. Nếu thọ ký riêng, thì như sau khi thuyết ba vòng. Nếu chánh nhân ký, thì như Thường Bất Khinh. Nếu duyên nhân ký, thì như mười thứ cúng dường trong Phẩm Pháp Sư. Nếu liễu nhân ký, thì như thọ ký cho hàng ba căn. Nếu chánh nhân ký thì rộng; nếu liễu nhân ký thì hẹp. Hoặc thọ ký chậm, hoặc thọ ký nhanh. Hoặc Phật ký như văn đây, hoặc Bồ-tát ký như ở phẩm Thường Bất Khinh. Dù không có kiếp số quốc độ nhất định, cũng được là thọ ký. Lại, huyền ký như trong phẩm Hóa thành, làm đệ tử đời vị lai. Các kinh khác chỉ thọ ký Bồ-tát, không thọ ký Nhị thừa, chỉ thọ ký thiện, không thọ ký ác, chỉ thọ ký nam, không thọ ký nữ; chỉ thọ ký hàng nhân thiên, không thọ ký cho loài súc sinh. Kinh này đều thọ ký. Như Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm nói bốn thứ thọ ký, kinh này có đủ. Người chưa phát tâm được thọ ký như Phẩm Thường Bất Khinh, phát tâm hiện tiền đắc Vô sinh tức là ba vòng thuyết pháp thọ ký. Kinh Anh lạc quyển thứ chín nói: có tám thứ thọ ký: 1. Mình biết người không biết. 2. Mọi người đều biết mình không biết. 3. Mình và người đều biết. 4. Mình và người đều không biết. 5. Gần biết xa không biết. 6. Xa biết gần không biết. 7. Xa gần đều biết. 8. Xa gần đều không biết.

1. Mình biết, người không biết: là do phát tâm tự thế chưa rộng đến người, chưa đắc Tứ vô sở úy, chưa đắc thiện Quyền.

2. Mọi người đều biết, mình không biết: là phát tâm rộng lớn, đắc thiện Quyền vô úy.

3. Mình và người đều biết: tại địa vị thất địa, vô úy thiện Quyền, đắc Không quán.

4. Mình và người đều không biết: là chưa nhập thất địa, chưa đắc Vô trước hạnh...

5. “Xa không biết”, là Di-lạc vậy, các căn đầy đủ không xả Như

Lai Vô trước hạnh.

6. “Gần không biết”, là người này chưa năng diễn thuyết hạnh hiền Thánh, là Sư tử ứng vậy.

7. Gần xa đều biết: Các căn đầy đủ, không xả Vô trước hạnh, là Bồ-tát nhu thuận.

8. Gần xa đều không biết: Chưa đắc thiện Quyền, không thể biết hết Như Lai tạng, là Đẳng hành Bồ-tát.

Các kinh lại nói: “Gần biết”: là từ được Phật hiện tại thọ ký, như Di-lặc... “Xa biết”: là không từ Phật nay mà từ Phật đương lai được thọ ký, như lời Phật bảo Tỳ-ma: “đời sau đức Di-lặc sẽ thọ ký cho ông”. “Gần xa đều biết”: Đức Phật đời nay đời sau đều thọ ký. “Gần xa đều không biết”: Đức Phật đời nay đời sau, đều không thọ ký.

Chư Phật vốn vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện thế gian, khiến chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nay đại sự đã hiển, đức Phật đã thuyết xong, chúng sinh đã ngộ nhập, thích hợp với bản hoài của đức Phật. Chúng sinh nguyện đã mãn, pháp nên thọ ký, như cha gặp con há không giao phó tài vật?! Lại, hạnh nguyện của người tu hành trong vô lượng kiếp nguyện ở Phật hiện tại. Văn nói: Bản nguyện kia như đây cho nên được sự thọ ký này. Hai duyên này là nghĩa Thế giới Tất-đàn cho nên thọ ký. Lại hàng Nhị thừa nghe kinh đối Tiểu nhập Đại, viên nhân đã đủ. Nhân ắt chiêu cảm quả, cho nên đức Như Lai thọ ký. Thời chúng đều biết phát nguyện, nguyện làm quyến thuộc nội ngoại của sinh thân, pháp thân, hoặc nguyện chỉ sinh về cõi kia làm lợi lạc chúng sinh. Hai điều này gọi là Vị nhân Tất-đàn thọ ký. Lại thọ ký Nhị thừa phá dục thoái Đại nhập Tiểu thừa Bồ-tát. Vì sao? Nếu định có nhị thừa thì có thể thoái làm Tiểu, nay không có nhị thừa thì làm sao có thể thoái. Lại, phá dục phát tâm Nhị thừa, kia chứng tự xả ngã, làm sao gọi là chấp thủ? Lại phá người chưa biến đổi tiểu, thì liền biến đổi tiểu, người sắp chứng Tiểu thì không thủ chứng. Bốn điều này là đối trị Tất-đàn thọ ký. Lại, Vô sinh hiện tiền, ắt do thật giải khai tri kiến Phật không lầm. Lại, hiểu rõ Phật tánh, cho nên cho thọ ký. Tiểu thừa nhập thật, quyết định làm Phật. Nếu vậy thì tất cả chúng sinh cũng có Phật tánh, sao không thọ ký? Nhưng chúng sinh chỉ có chánh nhân mà không có duyên nhân. Nay nghe kinh tin hiểu, thì duyên nhân và chánh nhân đều đầy đủ. Khai tri kiến Phật, biết Phật tánh, thấy Phật pháp thấy Phật tánh. Hai điều này là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thọ ký. Bốn thứ thọ ký này thu nhiếp hết các thứ thọ ký trên... Ký (trao) Thọ cũng gọi là thọ (nhận) ký, thọ quyết thọ biệt. Thọ nghĩa là ban cho, Thọ nghĩa là được, Ký là ký

sự. Quyết là quyết định. Biệt là liễu biệt. Hàng trung căn nghe hai vòng Pháp thuyết và Thí thuyết khai tam hiển nhất, lãnh giải đầy đủ Như Lai thuật thành, tuy tự biết làm Phật mà thời sự chưa xét kỹ. Nếu được Phật thành thật nói trao cho đời sau quả báo, kiếp số, quốc độ, quyết định gần xa liễu biệt, thì rất hoan hỷ. Nay từ Phật thọ ký mà được tên, cho nên nói Phẩm Thọ Ký. Văn đây là thí thuyết đoạn thứ tư. Ba đoạn trên đều dùng thí thuyết, trong đây thọ ký cũng dùng thí dụ. Luận ký, không có đoạn thứ năm là ý gì?

Có người giải thích rằng: “Chỉ trên chỉ dưới lược không luận”. Lại nói: “Trong phẩm Dược Thảo Dụ nêu tất cả đều thọ nhuận, đều được tăng trưởng. Xét biết bốn chúng đều thâm hoạch lợi ích, cho nên kinh gia lược không nêu ra”. Văn chia làm hai:

1. Chính thọ ký hàng trung căn.
2. Hứa vì thuyết việc quá khứ cho hàng hạ căn.
 - Phần chính thọ ký lại chia làm hai:
 - a. Thọ ký cho Ca-diếp.
 - b. Thọ ký cho ba người. Đều có trường hàng và kệ tụng.
 - Trong phần trường hàng thọ ký cho Ca-diếp (a) có sáu:
 - a.1) Hành nhân.

Đắc quả.

Kiếp quốc danh tự trang nghiêm. a.4)

Thọ mạng.

- a.5) Chánh tượng lâu mau (xa gần).
- a.6) Quốc độ thanh tịnh, như văn.
 - Trong phần ba đệ tử (b), lại có hai:

Thỉnh ký.

Thọ ký.

- Trong thỉnh ký có bảy hàng kệ:
 - b.1.1) Một hàng kệ đầu, là chánh thỉnh.
 - b.1.2) Hai hàng rưỡi tiếp, là Khai thí.
 - b.1.3) Hai hàng rưỡi tiếp là Hợp thí.

b.1.4) Một hàng, tổng kết ba người thọ ký. Mỗi mỗi đều có hành nhân, đắc quả, kiếp, quốc, thọ mạng, pháp trụ số lượng, đều như văn.

Từ “Các đệ tử của ta” trở xuống, hai hàng rưỡi: hứa vì hàng hạ căn nói việc quá khứ. Những người này đã nghe Pháp thuyết và Thí thuyết, lại thấy các hàng thượng căn trung căn được thọ ký, mà còn nghi không hiểu sâu, sinh ra hổ thẹn. Phật muốn cho họ tăng tiến đạo, cho nên trước hứa sẽ thọ ký cho tất cả, lại thuyết nhân duyên đời trước.